



huā pǔ
花圃

noun · flower garden

Example Sentences

huā pǔ lǐ yǒu hěn duō huā
花圃里有很多花。

There are many flowers in the flower garden.

nǚ nai měi tiān zài huā pǔ lǐ jiāo shuǐ
奶奶每天在花圃里浇水。

Grandma waters the flower garden every day.

zhè ge huā pǔ zhòng zhí le gè zhǒng zhēn xī de méi guī pǐn zhǒng
这个花圃种植了各种珍稀的玫瑰品种。

This flower garden grows various rare varieties of roses.

Trace each character, then write the word on your own.

花	花	花	花	花	花	花	花	花	花
圃	圃	圃	圃	圃	圃	圃	圃	圃	圃
圃	圃								